

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2737/QĐ-BNNMT ngày 14/7/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn; Quyết định số 2742/QĐ-BNNMT ngày 14/7/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 642/TTr-SNNMT ngày 17/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phát triển nông thôn và bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác

và phát triển nông thôn phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2742/QĐ-BNNMT ngày 14/7/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Chi tiết tại phụ lục I đính kèm*).

2. Danh mục 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn đã được công bố tại Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo; danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, địa chất và khoáng sản, thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*Chi tiết tại phụ lục II đính kèm*).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định. Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm gỡ bỏ thủ tục hành chính đang niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công ngay sau khi nhận được Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - BTP;
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCC, NN&MT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

KT. CHỦ TỊCH
HÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Theo quy định	Sau cắt giảm			
I	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
1	Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	- Ủy ban nhân dân cấp xã: 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ sản phẩm. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh ít nhất 02 đợt trong năm. Đợt 01 trước ngày 30/6 đối với các hồ sơ được UBND cấp xã	- Ủy ban nhân dân cấp xã: 7,5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ sản phẩm. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh ít nhất 02 đợt trong năm. Đợt 01 trước ngày 30/6 đối với các hồ sơ được UBND cấp xã đề nghị	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	Quyết định số 26/2026/QĐ-TTg ngày 22/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Theo quy định	Sau cắt giảm			
		đề nghị trước ngày 30/4; đợt 02 trước ngày 30/12 đối với các hồ sơ được UBND cấp xã đề nghị trước ngày 30/10. - Bộ Nông nghiệp và Môi trường: tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia ít nhất 02 đợt trong năm. Đợt 01 trước ngày 30/9 đối với các hồ sơ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị trước ngày 30/7; đợt 02 trước ngày 30/3 đối với	trước ngày 30/4; đợt 02 trước ngày 30/12 đối với các hồ sơ được UBND cấp xã đề nghị trước ngày 30/10. - Bộ Nông nghiệp và Môi trường: tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia ít nhất 02 đợt trong năm. Đợt 01 trước ngày 30/9 đối với các hồ sơ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị trước ngày 30/7; đợt 02 trước ngày 30/3 đối với các hồ			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Theo quy định	Sau cắt giảm			
		các hồ sơ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị trước ngày 30/01.	sơ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị trước ngày 30/01.			

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
1	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Thông tư số 27/2026/TT-BNNMT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường